

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 160/2025/HS-PT

Ngày: 15 - 7 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Huyền, bà Nguyễn Thị Thu Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hà, Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 171/2025/TLPT-HS ngày 09/6/2025 đối với bị cáo Lê Phạm B về tội “*Nhận hối lộ*”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2025/HS-ST ngày 29/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Lê Phạm B**, sinh năm 1974, tại tỉnh Thanh Hoá.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk); Chỗ ở: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk); Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Thanh B1, sinh năm 1945 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1945; Bị cáo có vợ Hà Thị H, sinh năm 1970, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/08/2024, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh kể từ ngày 03/12/2024 theo Quyết định về việc bảo lãnh số: 954/QĐ-ĐTTH ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện E (Bị cáo có mặt).

Ngoài ra, có 01 bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Phạm B, nguyên là Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E. Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, B đã nhiều lần lợi dụng việc người dân không am hiểu về các thủ tục liên quan đến lĩnh vực đất đai nên đã nhận tiền để xử lý nhanh hồ sơ rồi chiếm đoạt số tiền đó. Cụ thể:

Lần thứ nhất, vào khoảng cuối năm 2021, bị cáo Lê Văn T1 biết rõ Lê Phạm B là Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E là người có quyền hạn ký thủ tục cấp trích lục bản đồ và xử lý các hồ sơ nên T1 liên hệ đề nhờ B xử lý nhanh việc đo đạc cấp trích lục thửa đất tại xã E, huyện E mang tên Nguyễn Quang T2 thì B đồng ý. Sau đó T1 có nói với B là đưa 50.000.000 đồng cho B, nhưng sẽ đưa sau khi chuyển nhượng được thửa đất này (do T1 đang cần trích lục để chuyển nhượng đất). Lúc này B chỉ đạo Phan Quốc T3 là nhân viên Chi nhánh Văn phòng thực hiện đo đạc thửa đất này, ông T3 thực hiện việc đo đạc xong, in trích lục trình bị cáo B ký ban hành và trả kết quả cho Lê Văn T1. Bản thân ông T3 không biết việc B lấy tiền của Lê Văn T1. Đến ngày 08/12/2022, T1 sử dụng số tài khoản 5212205201157 chuyển vào số tài khoản 052235135555 của B số tiền 50.000.000 đồng theo thỏa thuận ban đầu. Đối với hồ sơ này thì B không trả bất kỳ khoản chi phí nào mà chiếm đoạt hết số tiền 50.000.000 đồng.

Lần thứ hai, vào khoảng tháng 01/2022, bà Lê Thị Bạch T4 nguyên là cán bộ Công chức địa chính xã E. T4 nhận của ông Đinh Quang H1 36.000.000 đồng về việc đo đạc làm trích lục bản đồ. Sau đó T4 có liên hệ đề nhờ bị cáo B làm giúp hồ sơ đo đạc, cấp trích lục thửa đất tại thôn A, xã E, B đồng ý. Bà T4 với B có thống nhất với nhau về số tiền trước khi tiến hành đo đạc thửa đất với diện tích khoảng 06 héc ta, đối với diện tích này B nói với bà T4 chi phí đo đạc 01 héc ta hết 04 triệu đồng, bà T4 đồng ý. Sau đó bà T4 sử dụng số tài khoản 5212205016777 chuyển vào số tài khoản 5212205008496 của B số tiền 24.000.000 đồng. Sau khi B nhận tiền của bà T4, B chỉ đạo ông Hà Huy B2 là nhân viên bộ phận kỹ thuật của Chi nhánh Văn phòng đề vào đo đạc thửa đất này, sau khi ông B2 đo đạc có kết quả thì tham mưu làm hồ sơ cấp trích lục bản đồ địa chính, ông Hà Huy B2 làm hoàn tất hồ sơ đo đạc thửa đất đó, bản thân ông B2 không biết việc bị cáo Lê Phạm B lấy tiền của bà T4. Do quá trình nghiệm thu hồ sơ này lâu nên bị cáo B nói với bà T4 chi phí nghiệm thu hồ sơ thửa đất hết khoảng 7.000.000 đồng, sau đó bà T4 chuyển tiền cho B thêm 05 triệu đồng nữa và nói B tự cân đối số tiền này. Sau khi có kết quả nghiệm thu thì ông Hà Huy B2 in trích lục bản đồ địa chính trình bị cáo B2 ký và trả kết quả cho bà T4. Đối với hồ sơ này, bị cáo B2 nhận 02 lần chuyển khoản với tổng số tiền 29 triệu đồng, B2 nộp lệ phí đo đạc hết 7.727.981 đồng. Số tiền còn lại B2 chiếm đoạt của bà T4 là 21.272.019 đồng.

Lần thứ ba, khoảng cuối tháng 11/2021, ông Phạm Hồng T5 đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E gặp bị cáo B2 đề nhờ đo đạc, cấp trích lục thửa đất tại xã E, huyện E thì B2 đồng ý. Sau đó B2 chỉ đạo ông Phan Quốc T3 là cán bộ kỹ thuật đo đạc đi cùng ông T5 vào thửa đất để tiến hành kiểm tra thực địa và đo đạc thửa đất. Sau khi có kết quả đo đạc thửa đất của ông T5 thì ông T3 lấy số liệu, kết quả đo đạc thửa đất của ông T5 áp lên bản đồ địa chính của huyện E thấy thửa đất của ông T5 không thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân huyện E nên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E không được cấp trích lục bản đồ địa chính thửa đất của ông T5. Vì vậy bị cáo B2 liên hệ với ông Lê Ngọc P là Phó giám đốc Công ty TNHH D, tỉnh Đắk Lắk đề nhờ làm giúp hồ sơ cấp sơ đồ hiện trạng thửa đất của ông T5, thì ông P đồng ý. Quá trình B2 nhờ ông P thì có thống nhất chi phí cấp sơ đồ hiện trạng thửa đất theo quy định của Nhà nước. Sau đó B2 chỉ đạo cho ông Phan Quốc T3 chuyển số liệu đo đạc thửa đất của ông T5 lên cho ông P (thông tin chủ thửa đất là bà Nguyễn Thị Thúy A là

vợ ông T5). Đến ngày 03/12/2021, ông T5 hỏi B2 chi phí làm hồ sơ đo đạc hết bao nhiêu tiền thì B2 nói chi phí làm hồ sơ đo đạc hết 38.500.000 đồng, ông T5 đồng ý và sử dụng số tài khoản 5212205023477 mang tên Nguyễn Thị Thúy A chuyển vào số tài khoản 5212205008496 của B2 số tiền 38.500.000 đồng và đến ngày 06/12/2021, bị cáo B2 giao sơ đồ hiện trạng thửa đất này cho ông T5. Đến khoảng tháng 6/2022, ông T5 tiếp tục nhờ B2 chuyển tên người sử dụng đất Nguyễn Thị Thúy A trong hồ sơ cấp sơ đồ hiện trạng thửa đất sang tên Chu Văn T6 thì B2 đồng ý, sau đó B2 tiếp tục liên hệ ông P để làm thủ tục sang tên hồ sơ bà A sang cho ông T6, ông P có nói với B2 huỷ toàn bộ hồ sơ đứng tên bà A thì mới làm chuyển tên cho ông T6 thì bị cáo B2 đồng ý. Sau đó B2 là người huỷ hồ sơ lưu tại Chi nhánh Văn phòng, còn bộ hồ sơ đưa cho vợ chồng ông T5, bà A để các bên ký kết hợp đồng thì ông T5, bà A không đưa lại để huỷ. Khoảng vài ngày sau ông P gửi bộ hồ sơ cấp sơ đồ hiện trạng thửa đất của ông T5 đứng tên ông Chu Văn T6, bị cáo B2 lấy bộ hồ sơ này đưa cho ông T5, sau đó ông T5 hỏi B2 hết bao nhiêu tiền lệ phí thì B2 nói với ông T5 hết 24.500.000 đồng, đến ngày 01/7/2022, ông T5 sử dụng số tài khoản mang tên Nguyễn Thị Thúy A chuyển vào số tài khoản 5212205008496 của B2 số tiền 24.500.000 đồng. Một thời gian sau ông P gọi điện thoại cho B2 hỏi ký hoàn thiện bộ hồ sơ mang tên ông T6 xong chưa thì B2 trả lời ông P là “dân họ không đồng ý kết quả đo đạc”, nên ông P yêu cầu B2 huỷ hồ sơ đo đạc thửa đất của ông T5 mang tên ông Chu Văn T6. Do bộ hồ sơ đo đạc cấp sơ đồ thửa đất của ông T5, ông T6 bị huỷ nên ông P không yêu cầu B2 trả các khoản chi phí nào. Đối với bộ hồ sơ đo đạc cấp sơ đồ thửa đất của ông T5 và bà A bị cáo B2 không trả chi phí bất kỳ khoản tiền nào mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền 63.000.000 đồng. Tổng cộng bị cáo Lê Phạm Bình N hối lộ 03 lần với tổng số tiền 134.272.019 đồng và chi tiêu vào mục đích cá nhân hết.

Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện E đã tạm giữ: 02 bộ hồ sơ đo đạc cấp trích lục mang tên Nguyễn Văn T7 và Nguyễn Quang T2; Số tiền 134.272.019 đồng của bị cáo Lê Phạm B và gia đình bị cáo nộp khắc phục hậu quả.

Khám xét tại nơi làm việc và nơi ở của bị cáo Lê Phạm B tạm giữ các đồ vật, tài liệu trong quá trình khám xét, cụ thể như sau: 01 máy laptop màu đen, nhãn hiệu Dell, phía sau mặt lưng có chữ Vostro, có mã sản phẩm 70207360; 01 hồ sơ của ông Y Nghi N1, trú tại thôn H, xã E, huyện E; 01 hồ sơ của ông Siu A Y, trú tại Buôn M'tha, xã E, huyện E; 01 hồ sơ của ông Kpuh L, trú tại Buôn M, xã E, huyện E.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2025/HS-ST ngày 29/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Phạm B phạm tội “*Nhận hối lộ*”.

Về hình phạt: Căn cứ điểm c và đ khoản 2 Điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Phạm B 03 (ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/08/2024 đến ngày 03/12/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt cho 01 bị cáo khác, về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/5/2025, bị cáo Lê Phạm B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm đã nhận định, cũng như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Phạm B về tội “*Nhận hối lộ*” theo điểm c, đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng người, đúng tội. Về mức hình phạt 03 năm tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; đồng thời trước ngày mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới là biên bản xác nhận của Trung tâm bảo trợ xã hội và trẻ em – Sở Y tế tỉnh Đ về việc bị cáo đã tài trợ 200kg gạo cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn tại Trung tâm bảo trợ xã hội và Trẻ em tỉnh Đ. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, tuy nhiên cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Phạm B; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 354; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Phạm B từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì, chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo Lê Phạm B là Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E, là người có quyền hạn ký thủ tục cấp trích lục bản đồ và xử lý các hồ sơ cấp đất, bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình mà nhận bất kỳ lợi ích nào để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ trái quy định của pháp luật làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động đúng đắn của cơ quan hành chính Nhà nước, sẽ bị pháp luật nghiêm trị, nhưng do

ý thức coi thường pháp luật nên vào các năm 2021, 2022 bị cáo đã 03 lần lợi dụng việc người dân không am hiểu về các thủ tục liên quan đến lĩnh vực đất đai đã nhận tiền để xử lý nhanh hồ sơ rồi chiếm đoạt tổng số tiền là 134.272.019 đồng.

Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội: “*Nhận hối lộ*” theo điểm c, đ khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự, là có căn cứ và đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo, thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Phạm B đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước, gây mất uy tín, làm mất niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước, bị cáo phạm tội nhiều lần do đó cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo và đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội, nên kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận.

Xét mức hình phạt 03 năm tù Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo và gia đình đã tự nguyện khắc phục hậu quả nộp toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt 134.272.019 đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo có bố ruột là ông Lê Thanh B1 được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, 02 Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhì, Huy hiệu 55 tuổi đảng, là thương binh loại A. Mẹ ruột bà Phạm Thị T8 được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Bố vợ bị cáo là ông Hà Văn M được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, anh vợ bị cáo ông Hà Văn T9 là liệt sỹ. Vợ bị cáo là bà Hà Thị H có nhiều thành tích trong công tác, bị cáo được Chi bộ tài nguyên và môi trường và được Ủy ban nhân dân huyện E xác nhận đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Hiện tại bị cáo đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cha mẹ. Quá trình công tác bị cáo được khen thưởng vì có nhiều thành tích xuất sắc, bản thân bị cáo đang theo dõi điều trị bệnh thiếu máu cơ tim và bệnh tiểu đường Tuýp 2. Hơn nữa, những người đến nhờ B giúp làm nhanh hồ sơ đã chủ động hỏi chi phí hết bao nhiêu thì bị cáo B mới trả lời, chứ bị cáo B không phải là người chủ động ra giá trước. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm biên bản xác nhận của Trung tâm Bảo trợ xã hội và trẻ em – Sở Y tế tỉnh Đ về việc bị cáo đã tài trợ 200kg gạo cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại Trung tâm Bảo trợ xã hội và Trẻ em tỉnh Đ. Do đó, cần xem xét chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Phạm B.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2025/HS-ST ngày 29/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm c và đ khoản 2 Điều 354, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Phạm B **02** (hai) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”, thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 28/08/2024 đến ngày 03/12/2024.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lê Phạm B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm – TAND Tối cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk (LLTP);
- TAND Khu vực 2;
- VKSND Khu vực 2;
- Phòng THADS Khu vực 2;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Duy Tuấn